

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 13-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Thanh.
2. Ông Trương Thế Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Anh K, tên gọi khác: C, sinh năm 1985, tại: Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; CMND số: 370839775; nghề nghiệp: Không; Tr độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Nhứt H (chết) và bà Bùi Bé E; vợ là Phạm Thị Ánh L (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam theo lệnh tạm giam số 14/LTG ngày 06/8/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (tạm giữ ngày 28/7/2017), có mặt.

2/ Trần H7 N2, sinh ngày 17/12/1994, tại: Hà Tiên - Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; CMND số: 371661013; nghề nghiệp: Không; Tr độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N2; con ông Trần Văn Avà bà Trần Ngọc H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19/QĐ-TA ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; bị cáo bị tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 17/LTG ngày 17/10/2017 của Cơ

quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (bắt ngày 20/10/2017), có mặt.

3/ Hứa Thị Thanh N, tên gọi khác: Ngọc, sinh ngày 13/9/1989, tại: CD -AG. Nơi ĐKNKTT: Khóm, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; chỗ ở: Khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; CMND số: 352094605; nghề nghiệp: Không; Tr độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa H7 S và bà Trịnh Thị M; chồng là Ngô Văn N và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 22/QĐ-TA ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; bị cáo bị tạm giam theo lệnh bắt bị can đề tạm giam số 08/LTG ngày 17/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (bắt ngày 20/10/2017), có mặt.

Bị hại:

1/ Chị Đặng Thị Huỳnh M, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp Thạch Động, xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ Anh Lâm Trung H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố C, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

3/ Chị Trần Thị N3, sinh năm 1984. Địa chỉ: tổ 5, khu phố E, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

4/ Anh Danh Thanh H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 03, Rạch Ụ, khu phố A, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5/ Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1973. Địa chỉ: tổ 5, khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

6/ Chị Vương Lệ H3, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 197, PH6 Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

7/ Anh H7 Cao B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

8/ Ông Nguyễn Thanh H9, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 197/2, Phương Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

9/ Ông Đoàn Văn T2, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 130, Lam Sơn, khu phố B, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

10/ Chị Nguyễn Thị H8, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 13, khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

11/ Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 309, Phương Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

12/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh H6, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 36/24, Phù Dung, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

13/ Ông Danh H7, sinh năm 1967. Địa chỉ: Hẻm 101, tổ 8, khu phố C, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

14/ Ông Dương Văn T3, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 16, Rạch Ụ, khu phố C, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Ngọc H2, sinh năm 1967. Địa chỉ: tổ 10, khu phố B, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ 12, khu phố A, phường Đ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ hiện nay: Trại giam Kênh 7 – Bộ Công an. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3/ Chị Phạm Thị H5, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 08, Nguyễn Hữu Tiến, khu phố E, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4/ Anh Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5/ Anh H7 Đăng Tr, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ 4, khu phố C, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

6/ Anh Nguyễn Thành Đ2, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

7/ Ông Vũ Như C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 16, Phạm Văn Ký, khu phố B, phường B, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Danh Đ3 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 28/7/2017 Huỳnh Anh K mang theo dụng cụ mở khóa xe máy, đi bộ một mình trong nội ô thị xã Hà Tiên để tìm xe máy lấy trộm. Khi đi đến khu vực Vườn Đào thuộc ấp Thạch Động, xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS, màu sơn: đen – xanh, biển kiểm soát 68H1-068.50 của bà Đinh Thị Huỳnh M, sinh năm 1987, để trong sân, K lén lút mở cửa rào, rồi đi vào dẫn xe máy ra ngoài dùng chìa khóa tự chế mở ổ khóa xe, sau đó điều khiển sang Campuchia tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL - HĐ ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thị xã Hà Tiên kết luận: Một chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS, màu sơn: đen – xanh, số máy: 5C6H155912, số khung: C6HOFY155903, biển số: 68H1-068.50 có giá trị 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Trong quá Tr điều tra Huỳnh Anh K còn khai nhận, ngoài lần bị bắt quả tang ngày 28/7/2017, từ tháng 4/2017 đến 7/2017 với nhiều thủ đoạn K đã 13 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Hà Tiên, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá là 142.000.000 đồng. Trong đó, K cùng với Trần H7 N2 thực hiện 03 lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá là 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ, ngày 23/4/2017 Trần H7 N2 điều khiển xe máy BKS số 68HA-6750 chở Huỳnh Anh K đến nhà trọ số 88, đường Chi Lăng, khu phố C, phường B, thị xã Hà Tiên. N2 ở ngoài canh đường, K lén lút tiếp cận lấy trộm chiếc xe máy BKS 68H2-4581 của ông Lâm Trung H, để trước phòng trọ, rồi cùng N2 điều khiển sang Campuchia, nhờ Nguyễn Văn V dẫn đi cầm cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 7.000.000 đồng, K cho V 1.000.000 đồng, K và N2 mua ma túy về sử dụng C hết 3.000.000 đồng, cho Hứa Thị Thanh N 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy BKS 68H2-4581 tại thời điểm ngày 23/4/2017 có giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ, ngày 29/4/2017 Trần H7 N2 điều khiển xe máy BKS 68HA-6750 chở Huỳnh Anh K đến trước nhà số 06 đường Nguyễn Hữu Tiến, khu phố E, phường B, thị xã Hà Tiên thì phát hiện chiếc xe máy BKS 68H2-4518 của bà Trần Thị N3, để trước sân phía trong hàng rào có cắm sẵn chìa khóa trên xe, N2 dừng xe, đứng phía ngoài canh đường, K dùng kim bấm cắt khoen cửa rào, đi vào lấy trộm xe máy, rồi cùng với N2 điều khiển qua Campuchia bán được 4.000.000 đồng, K và N2 cùng mua ma túy về sử dụng C 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy BKS 68H2-4518 tại thời điểm ngày 29/4/2017 có giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 03 giờ, ngày 30/4/2017 tại nhà số 03 hẻm Rạch Ụ, khu phố A, phường Đ, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm cắt khoen khóa cổng nhà sau của ông Danh Thanh H2, lấy trộm một xe máy biển kiểm soát 68H1-013.24, sau đó điều khiển sang Campuchia bán được 5.000.000 đồng. K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H1-013.24 tại thời điểm ngày 30/4/2017 trị giá 8.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 02 giờ ngày 14/5/2017 Trần H7 N2 dùng xe máy BKS 68HA-6750 chở Huỳnh Anh K đến đoạn đường Tỉnh lộ 28 thuộc tổ 5, khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, N2 dùng xe để K lén lút vào lấy trộm xe máy biển kiểm soát 68H2-8062 của bà Trần Thị Thúy N, để trước cửa nhà, sau đó cả hai đem xe sang Campuchia bán được 6.000.000 đồng, K và N2 cùng đi mua ma túy về sử dụng C hết 3.000.000 đồng, K cho N 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy BKS 68H2-8062 tại thời điểm ngày 14/5/2017 có giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 02 giờ ngày 20/5/2017 tại nhà số 197 đường PH6 Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, thấy cửa rào không khóa, K liền tiếp cận lén lút lấy trộm một xe máy biển kiểm soát 68H2-5571 của bà Vương Lệ H3, K điều khiển xe sang Campuchia bán được 6.000.000 đồng, K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H2-5571 tại thời điểm ngày 20/5/2017 trị giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng 01 giờ ngày 04/6/2017 tại nhà trọ số 11, đường Đồng Đa, khu phố B, phường Đ, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khoen khóa cổng rào, lén lút lấy trộm một xe máy biển kiểm soát 68H2-7903 của ông H7 Cao B, sau đó điều khiển sang Campuchia bán được 5.000.000 đồng, K cho N 3.000.000

đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H2-7903 tại thời điểm ngày 04/6/2017 trị giá 23.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 02 giờ ngày 07/6/2017 tại nhà số 197/2, đường PH6 Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm cắt dây cổng rào, lén lút lấy trộm xe máy biển kiểm soát 68T1-115.73 của ông Nguyễn Thanh H9, rồi điều khiển sang Campuchia bán được 4.000.000 đồng, K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68T1-115.73 tại thời điểm ngày 07/6/2017 trị giá 7.000.000 đồng.

Lần thứ tám: Khoảng 02 giờ ngày 08/6/2017 tại nhà số 130, đường Lam Sơn, khu phố B, phường B, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khoen khóa cổng, tiếp cận lấy trộm xe máy biển kiểm soát 68T1-4266 của ông Đoàn Văn T2, do không mở được ổ khóa điện, K dẫn xe đến khu vực Ao Sen giấu vào bụi cây ven đường, sau đó người dân phát hiện chiếc xe nên giao nộp cho Công an phường B. Qua định giá chiếc xe máy biển kiểm soát 68T1-4266 tại thời điểm ngày 08/6/2017 trị giá 10.000.000 đồng.

Lần thứ chín: Khoảng 02 giờ, ngày 21/6/2017 tại nhà số 35, tổ 13, khu phố B, phường P, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khóa cổng, tiếp cận lấy trộm một xe máy biển kiểm soát 68H2-2936 của bà Nguyễn Thị H8, sau đó điều khiển sang Campuchia bán được 3.000.000 đồng, K cho N 2.000.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H2-2936 tại thời điểm ngày 21/6/2017 trị giá 8.000.000 đồng.

Lần thứ mười: Khoảng 02 giờ, ngày 25/6/2017 tại nhà số 309, đường PH6 Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, K trèo qua cổng rào vào bên trong sân nhà, dùng kim bấm bẻ khoen khóa cổng rào, lấy trộm xe máy biển kiểm soát 68H2-1981 của bà Nguyễn Thị H5, rồi điều khiển sang Campuchia bán được 5.000.000 đồng, K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H2-1981 tại thời điểm ngày 25/6/2017 trị giá 8.000.000 đồng.

Lần thứ mười một: Khoảng 01 giờ ngày 14/7/2017 tại nhà số 36/24, đường Phù Dung, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khoen cổng rào, lấy trộm chiếc xe máy biển kiểm soát 68H1-049.18 của bà Nguyễn Thị Huỳnh H6, rồi điều khiển sang Campuchia bán được 6.000.000 đồng, K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H1-049.18 tại thời điểm ngày 14/7/2017 có giá 13.000.000 đồng.

Lần thứ mười hai: Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2017 tại nhà số 101/3 đường PH6 Thành, khu phố A, phường B, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khoen khóa cổng, lấy trộm một xe máy biển kiểm soát 68H1-014.47 của ông Danh H7, sau đó điều khiển sang Campuchia bán được 6.000.000 đồng, K cho N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H1-014.47 tại thời điểm ngày 21/7/2017 trị giá 15.000.000 đồng.

Lần thứ mười ba: khoảng 03 giờ, ngày 24/7/2017 tại nhà số 16, hẻm Rạch Ụ, khu phố C, phường Đ, thị xã Hà Tiên, K dùng kim bấm bẻ khoen khóa cổng, lấy

trộm một xe máy biển kiểm soát 68H1-001.96 của ông Dương Văn T3, K điều khiển sang Campuchia bán được 4.000.000 đồng, cho N 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá xe máy biển kiểm soát 68H1-001.96 tại thời điểm ngày 24/7/2017 trị giá 10.000.000 đồng.

Tiền thu lợi bất chính qua các lần trộm cắp tài sản, K cho Hứa Thị Thanh N 11 lần với số tiền 29.000.000 đồng. Mặc dù N biết đây là tiền do K phạm tội mà có nhưng vẫn nhận và tiêu xài hết.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Thúy N yêu cầu bị cáo K và N2 cùng bồi thường 10.000.000 đồng; bà Trần Thị N3 yêu cầu bị cáo K và N2 cùng bồi thường 10.000.000 đồng; ông H7 Cao B yêu cầu bị cáo K bồi thường 23.000.000 đồng; ông Nguyễn Thanh H9 yêu cầu bị cáo K bồi thường 7.000.000 đồng; ông Dương Văn T3 không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường.

Trong quá Tr điều tra, bị hại bà Đinh Thị Huỳnh M, Vương Lệ H3 và ông Đoàn Văn T2 yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị hại ông Lâm Trung H yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng; ông Danh Thanh H2 yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H8 yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H5 yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Huỳnh H6 yêu cầu bồi thường 13.000.000 đồng; ông Danh H7 yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án:

1. Một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: đen – xanh, số máy: 5C6H155912, số khung: C6HOFY155903, biển kiểm soát: 68H1-068.50 (xe đã qua sử dụng);

2. Một xe máy nhãn hiệu SHUZA, xe mang biển kiểm soát 68HA-6750, màu sơn: đen, số máy: VDP1P39FMB018368; số khung: không có (xe không có giấy đăng ký và đã hư hỏng không sử dụng được)

Vật chứng số 1 đã trả lại cho chị Đinh Thị Huỳnh M là chủ sở hữu; vật chứng số 2 hiện đang B quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Tại Bản cáo trạng số 02/CTr-VKS, ngày 16/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên đã truy tố các bị cáo Huỳnh Anh K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Trần H7 N2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hứa Thị Thanh N về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Anh K mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần H7 N2 mức án tù 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 250, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Hứa Thị Thanh N mức án tù 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Buộc Nguyễn Văn V nộp sung quỹ nhà nước 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Buộc Hứa Thị Thanh N nộp sung quỹ nhà nước 29.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Huỳnh Anh K, Trần H7 N2 bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra- Công an thị xã Hà Tiên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá Tr điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Tr tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá Tr điều tra, cơ quan điều tra công an thị xã Hà Tiên có văn bản gửi cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang, Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính về thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính. Tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử của Hội đồng xét xử đối với các bị cáo. Quá Tr điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H5 pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo đều được thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 và các quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 để giải quyết vụ án, đồng thời áp dụng các quy định khác có lợi cho người phạm tội theo pháp luật hiện hành.

[3] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại Đặng Thị Huỳnh M, Danh Thanh H2, Nguyễn Thị H5, Danh H7; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V, Phạm Thị H5, Huỳnh Quốc Đ, H7 Đăng Tr, Nguyễn Thành Đ2, Vũ Như C; người làm chứng Danh Đẹp có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình

sự. Tòa án triệu tập H5 lần thứ hai đối với bị hại Lâm Trung H, Vương Lê H3, Đoàn Văn T2, Nguyễn Thị H8; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc H2. Tại phiên tòa bị hại H, H3, T2, H8; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H2 đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù H5 lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hai bị cáo K, N2 đã nhiều lần lợi dụng đêm khuya, sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, lén lút lấy trộm xe máy đưa qua Campuchia tiêu thụ để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bị cáo K liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 14 lần trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 7/2017, tổng giá trị tài sản qua 14 lần bị trộm cắp theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với bị cáo K là 156.000.000 đồng. Trong đó N2 tham gia cùng K thực hiện hành vi trộm tài sản 03 lần, với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 30.000.000 đồng.

Sau mỗi lần tiêu thụ được tài sản do hành vi trộm cắp tài sản của người khác mà có, bị cáo K cho N 11 lần với tổng số tiền 29.000.000 đồng, mặc dù biết đây là tiền do K có được từ việc trộm cắp tài sản nhưng N vẫn đồng ý nhận và tiêu xài cá nhân.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng (2 triệu) đến dưới năm mươi triệu đồng (dưới 50 triệu) hoặc dưới hai triệu đồng (dưới 2 triệu) nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm (3 năm) hoặc phạt tù từ sáu (6) tháng đến ba (3) năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường H5 sau đây, thì bị phạt tù từ hai (2) năm đến bảy (7) năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Tái phạm nguy hiểm;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*

g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm (5) triệu đồng đến năm mươi (50) triệu đồng.

Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường H5 sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tài sản, vật phạm pháp có giá trị lớn;
- d) Thu lợi bất chính lớn;
- đ) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này

Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường H5 sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;
- d) Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;
- đ) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Tại khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Bộ công an – Bộ quốc phòng – Bộ tư pháp – Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tình tiết “Thu lợi bất chính lớn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự là thu lợi bất chính từ mười triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến tài sản H5 pháp của người khác được pháp luật thừa nhận và B vệ, xâm phạm an toàn, trật tự công cộng. Hành vi của bị cáo Huỳnh Anh K cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với

điểm b, c khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Trần H7 N2 cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo Hứa Thị Thanh N cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo là có căn cứ.

[5] Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo thể hiện như sau:

Các bị cáo K, N2 phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, vị trí, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo K, N2 trong vai trò đồng phạm: bị cáo K là người đóng vai trò phạm tội tích cực nhất, cùng với bị cáo N2 thực hiện 03 vụ trộm với vai trò người thực hành chính, bản thân bị cáo cũng được hưởng lợi từ tài sản trộm cắp cao nhất. Bị cáo K là người phân chia tiền cho người khác sau khi tiêu thụ được xe, ngoài ra còn trực tiếp dùng tiền mua ma túy sử dụng C cho nhóm. Ngoài ra bị cáo còn tự mình thực hiện 11 vụ trộm liên tục và dùng tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chuyên nghiệp và giá trị tài sản bị chiếm đoạt đến 156.000.000 đồng.

Bị cáo N2 tham gia 03 vụ trộm cùng với K, với vai trò là người giúp sức, canh đường cho bị cáo K thực hiện hành vi lấy trộm xe; tích cực trong việc đưa xe qua Campuchia tiêu thụ khi trộm cắp được xe máy, do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng do phạm tội nhiều lần (hai lần trở lên) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo N2 khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo N nhận tiền từ bị cáo K để tiêu xài trong thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 7/2017 là 11 lần, tổng số tiền 29.000.000 đồng. Mặc dù biết rõ tiền mà bị cáo K cho là do bị cáo K phạm tội trộm cắp tài sản mà có nhưng bị cáo vẫn sử dụng, do đó hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Mặc dù quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*d) Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng*” nhưng mức hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự là có lợi cho bị cáo về mức hình phạt.

Bị cáo N2 và N đều có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đang bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo K đã được xóa án tích nên hiện nay không có tiền án, do đó cả ba bị cáo đều thể hiện

có nhân thân xấu. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của từng bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe và phòng ngừa C cho xã hội.

[6] Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo N2. Ngoài ra bị cáo K đã tự thú những lần phạm tội trước lần bị phát hiện bắt quả tang nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo K. Sau khi bị khởi tố, bị cáo N tác động gia đình đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo N.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N2 đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19/QĐ-TA ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, thời hạn là 15 tháng. Đến ngày bị tạm giam 20/10/2017, bị cáo đã chấp hành được 02 tháng 17 ngày. Bị cáo N đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 22/QĐ-TA ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, thời hạn là 12 tháng. Đến ngày bị tạm giam 20/10/2017, bị cáo đã chấp hành được 01 tháng 20 ngày. Do đó cần áp dụng Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính để quyết định đối với phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với bị cáo N2 và N.

[8] Đối với Nguyễn Văn V, mặc dù có hành vi đưa K và N2 đi cầm cố xe máy BKS 68H2-4581 và được K cho 1.000.000 đồng, nhưng V không biết đây là xe do K và N2 phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với người đàn ông ở Campuchia đã nhiều lần nhận cầm xe do K và N2 trộm cắp mà có, tuy nhiên hành vi diễn ra ở nước ngoài (Campuchia) nên chưa có đủ cơ sở để xử lý.

[9] Qua điều tra Huỳnh Anh K và Trần H7 N2 khai nhận sau khi cùng nhau đi trộm xe đem sang Campuchia tiêu thụ, rồi mua ma túy về nhà K tại khu phố A, phường Đ, thị xã Hà Tiên sử dụng C, số ma túy còn lại N2 cất giữ và sử dụng riêng nên hành vi của K và N2 có dấu hiệu phạm tội. Tuy nhiên do không thu giữ được

vật chứng nên chưa đủ cơ sở để khởi tố vụ án, khởi tố bị can, vì vậy tách một phần hồ sơ để tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[10] Về vật chứng trong vụ án:

Vật chứng là dụng cụ mở khóa xe máy mà K dùng để thực hiện các vụ trộm, vào ngày 28/7/2017 do bị phát hiện và bị truy đuổi nên K đã vứt bỏ trên đường. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Giữ nguyên quyết định giao trả vật chứng của công an thị xã Hà Tiên về việc trả cho chủ sở hữu chị Đinh Thị Huỳnh M một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: đen – xanh, số máy: 5C6H155912, số khung: C6HOFY155903, biển kiểm soát: 68H1-068.50.

Đối với xe máy nhãn hiệu SHUZA, xe mang biển số 68HA-6750, màu sơn: đen, số máy: VDP1P39FMB018368; số khung: đã bị tẩy xóa, xe không có giấy đăng ký. Đây là xe do bị cáo N2 điều khiển chở bị cáo K dùng làm pH6 tiện đi lại để thực hiện hành vi trộm cắp. Trong quá Tr điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe máy nêu trên. Ngày 27/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Hà Tiên đã thông báo công khai tìm kiếm chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển số 68HA-6750. Căn cứ Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều ... Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển số 68HA-6750 thì tịch thu xe máy, sung quỹ Nhà nước. Nếu trong thời hạn này có ai tranh chấp quyền sở hữu đối với chiếc xe máy nêu trên thì sẽ được giải quyết tranh chấp bằng một vụ án dân sự. Vật chứng là xe máy biển số 68HA-6750 sẽ được xử lý theo quyết định, bản án dân sự có hiệu lực pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo K, bị cáo N2 thống nhất cùng bồi thường cho bà Trần Thị Thúy N 10.000.000 đồng, bà Trần Thị N3 10.000.000 đồng, ông Lâm Trung H 10.000.000 đồng. Bị hại và các bị cáo thống nhất mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường một nửa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo K đồng ý bồi thường cho ông H7 Cao B 23.000.000 đồng, ông Nguyễn Thanh H9 7.000.000 đồng, bà Vương Lê H3 10.000.000 đồng, ông Danh Thanh H2 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H8 8.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H5 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Huỳnh H6 13.000.000 đồng; ông Danh H7 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc H2 vắng mặt tại phiên tòa, trong quá Tr điều tra thể hiện bà H2 mua lại xe máy biển số 68HA-6750 từ bà Trần Ngọc Hạnh (mẹ bị cáo N2) với giá 750.000 đồng. Sau đó bà H2 đã tự giao nộp vật chứng là pH6 tiện phạm tội cho cơ quan điều tra công an thị xã Hà Tiên nhưng không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự trong vụ án. Tại phiên tòa bà H2 vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 30, 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tách việc bồi thường để giải quyết sau theo quy định pháp luật.

[12] Các biện pháp tư pháp: Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V phải nộp lại 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước; Buộc bị cáo Hứa Thị Thanh N phải nộp lại 29.000.000 đồng tiền thu lợi bất

chính để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ 2.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[13] Về án phí: Buộc bị cáo K, N2, N, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Buộc bị cáo K, N2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5% đối với số tiền phải bồi thường;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Anh K, Trần Hoàng N2 phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Hứa Thị Thanh N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với điểm b, c khoản 2, Điều 173 điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Anh K 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng với khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng N2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2017. Bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 19/QĐ-TA ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Xử phạt bị cáo Hứa Thị Thanh N 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2017. Bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 22/QĐ-TA ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41,42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Giữ nguyên quyết định giao trả vật chứng của công an thị xã Hà Tiên về việc trả cho chủ sở hữu chị Đinh Thị Huỳnh M một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn: đen – xanh, số máy: 5C6H155912, số khung: C6HOFY155903, biển kiểm soát: 68H1-068.50.

Xe máy nhãn hiệu SHUZA, mang biển số 68HA-6750, màu sơn: đen, số máy: VDP1P39FMB018368; số khung: đã bị tẩy xóa. Trong quá Tr điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe máy nêu trên. Ngày 27/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Hà Tiên đã thông báo công khai tìm kiếm chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển số 68HA-6750. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là chủ sở hữu đối với chiếc xe máy biển số 68HA-6750 thì tịch thu xe máy, sung quỹ Nhà nước. Nếu trong thời hạn này có ai tranh chấp quyền sở hữu đối với chiếc xe máy nêu trên thì sẽ được giải quyết tranh chấp bằng một vụ án dân sự. Vật chứng là xe máy biển số 68HA-6750 sẽ được xử lý theo quyết định, bản án dân sự có hiệu lực pháp luật.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Hứa Thị Thanh N phải nộp lại 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V phải nộp lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tương ứng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo N2 bồi thường cho bà Trần Thị Thúy N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bà Trần Thị N3 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông Lâm Trung H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc bị cáo K bồi thường bồi thường cho bà Trần Thị Thúy N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bà Trần Thị N3 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông Lâm Trung H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông H7 Cao B 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng), ông Nguyễn Thanh H9 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), bà Vương Lệ H3 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ông Danh Thanh H2 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Nguyễn Thị H8 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Nguyễn Thị H5 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); bà Nguyễn Thị Huỳnh H6 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng); ông Danh H7 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc H2 nếu có tranh chấp liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hứa Thị Thanh N nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Huỳnh Anh K nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, nộp án phí dân sự sơ thẩm 5.350.000 đồng, tổng cộng 5.550.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Hoàng N2 nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, nộp án phí dân sự sơ thẩm 750.000 đồng, tổng cộng 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Bị cáo Huỳnh Anh K, Trần Hoàng N2, Hứa Thị Thanh N; bị hại Trần Thị N3, Trần Thị Thúy N, Hoàng Cao B, Nguyễn Thanh H9, Dương Văn T3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại Đặng Thị Huỳnh M, Danh Thanh H2, Nguyễn Thị H5, Danh H7, Lâm Trung H, Vương Lệ H3, Đoàn Văn T2, Nguyễn Thị H8; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V, Phạm Thị H5, Huỳnh Quốc Đ, Hoàng Đăng Tr, Nguyễn Thành Đ2, Vũ Như C, Trần Ngọc H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tx Hà Tiên;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS thị xã Hà Tiên;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Phương

